

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/LĐ-PT

Ngày 17-4-2024

V/v Đơn phương chấm dứt Hợp
đồng lao động, tiền lương và trợ
cấp chấm dứt Hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Công

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 07/2023/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động, tiền lương và trợ cấp chấm dứt Hợp đồng lao động.

Do bản án lao động sơ thẩm số 08/2023/LĐ-ST ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2024/QĐ-PT ngày 03-4-2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: Số E CL6, khu đô thị D, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036187010562; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1997; nơi đăng ký thường trú: đường N, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội; số căn cước công dân: 001097022250 và bà Phùng Thị Huyền T, sinh năm 1999; nơi đăng ký thường trú: tổ A khu G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; số căn cước công dân 022199013092 (theo Giấy ủy quyền ngày 22-11-2022); Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hoàng Vĩnh T1,

ông Nguyễn Văn T2, ông Phạm Thế H2, bà Lê Thu H3, Luật sư Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H.

Bị đơn: Trường Cao đẳng C; Địa chỉ: Số F đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T3; chức vụ: Hiệu trưởng trường Cao đẳng C.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Hoàng Mai S, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số D T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bà Vũ Thị Thanh H4; sinh năm 1967; nơi cư trú: Số A P, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định;

3. Ông Trần Văn P; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Số A G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà Phùng Thị Huyền T có mặt, các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thanh H là ông Nguyễn Xuân H1 và bà Phùng Thị Huyền T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Phạm Thế H2 trình bày:

Bà Trần Thị Thanh H được tuyển dụng và công tác tại Trường Cao đẳng C theo Quyết định tiếp nhận giáo viên số 152/TCHC ngày 01-9-2004 và Quyết định tiếp nhận cán bộ số 152/TCHC ngày 01-9-2004 của Hiệu trưởng trường C và nay là Trường Cao đẳng C với hệ số lương 1,92. Khi được tuyển dụng thì công việc chính là nhân viên tại xưởng thực nghiệm Dệt – Sợi. Trong quá trình công tác bà H đã được Trường Cao đẳng C - May N điều động làm việc tại các khoa của trường. Cụ thể như sau: Năm 2009 được điều động sang làm việc tại Khoa Kinh tế trực tiếp làm công tác giảng dạy và làm Giáo viên chủ nhiệm chuyên trách. Đến năm 2016 được điều động sang K – Sợi – Nhuộm cho đến khi nhà trường ra quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc ngày 26-4-2021.

- Về việc nhà trường ra Quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc ngày 26-4-2021 đối với bà Trần Thị Thanh H.

Bà H trình bày trước khi nhà trường ra Quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc bà H không được thông báo hay tham gia các cuộc họp về việc nhà trường sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với cá nhân bà H. Bà H cũng không có đơn đề nghị được tinh giản biên chế, cũng không được thông báo về việc cá nhân mình thuộc diện tinh giản biên chế hay đơn xin thôi

việc, đơn xin nghỉ không hưởng lương mà là do đơn phương từ phía nhà trường cho bà H nghỉ việc. Sau khi nhận Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc số 92/QĐ-CDCNDM ngày 26-4-2021 và Quyết định số 93/QĐ-CDCNDM ngày 26-4-2021 nhà trường kèm theo Bảng kê chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với bà Trần Thị Thanh H với mức trợ cấp thôi việc là 0,5 tháng lương cho mỗi năm công tác và hỗ trợ 03 tháng lương hỗ trợ thôi việc. Xét thấy các Quyết định trên là không đúng trình tự thủ tục, các chế độ mà bà H được nhận không thỏa đáng vì vậy bà H đề nghị Tòa án tuyên bố Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc số 92/QĐ-CDCNDM ngày 26-4-2021 của Trường Cao đẳng C là trái luật. Đồng thời bà H đề nghị Trường Cao đẳng C phải thực hiện lại qui trình tinh giản biên chế, chi trả các chế độ cho bà H theo chính sách tinh giản biên chế được qui định tại Nghị định 108/2014/CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về việc tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định 108) vì Trường Cao đẳng C là đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Bà H là viên chức nên thuộc đối tượng áp dụng chính sách tinh giản biên chế (căn cứ vào Điều 6 Nghị định 108 và các Nghị định sửa đổi bổ sung).

Ngoài ra, tại Bảng kê chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc kèm theo Quyết định số 93/QĐ-CDCNDM ngày 26-4-2021 có ghi rõ việc chi trả theo chế độ tinh giản biên chế. Đồng thời, tại buổi hòa giải ngày 22-11-2021 tại Phòng L2 thì Trường Cao đẳng C cũng thừa nhận việc cho các giáo viên thôi việc là thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

Về chế độ bà H được hưởng khi tinh giản biên chế: Đối chiếu với qui định tại Điều 10 Nghị định 108 thì bà H sẽ nhận được các khoản trợ cấp như sau:

Được trợ cấp 3 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm và trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác. Cụ thể số tiền trợ cấp được xác định như sau: 3 tháng tiền lương hiện hưởng là: 9.271.719 đồng x 3 = 30.346.830 đồng. Bà H có thời gian đóng bảo hiểm (từ khi bắt đầu đóng bảo hiểm năm 1995) đến tháng 4 năm 2021 là: 26 năm 7 tháng x 1,5 tháng tiền lương (tiền lương thực lĩnh của trung bình 60 tháng trước khi tinh giản biên chế (trung bình là 8.492.626 đồng)= 343.951.353 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp bà H đề nghị được nhận là: 343.196.271 đồng.

Ngoài ra, bà H xác nhận đã nhận quyết định thôi việc, sổ bảo hiểm xã hội và Bảng kê hỗ trợ viên chức và đã nộp kèm theo đơn khởi kiện nhưng không nhận được chế độ chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc của Nhà trường như thông báo tại Quyết định số 93/QĐ-CDCNDM ngày 26-04-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C.

- Về tiền lương: Trong quá trình công tác bà H đều được nâng lương thường xuyên và tăng phụ cấp thâm niên nhà giáo. Lần nâng lương gần nhất là năm 2019. Về chế độ bảo hiểm của bà H được nhà trường trích đóng hàng tháng. Cụ thể: Quá trình công tác, lương và phụ cấp của bà H như sau:

- Từ tháng 1/2014 đến tháng 5/2014 hưởng bậc 5, hệ số 3,66; từ tháng 6/2014 đến 5/2017 hưởng bậc 6, hệ số 3,99; từ tháng 6/2017 đến tháng 5/2020 hưởng bậc 7, hệ số 4,32; từ tháng 6/2020 đến 03/5/2021 hưởng bậc 8, hệ số 4,65.

- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Từ tháng 1/2014 đến tháng 9/2014 hưởng 9%; từ tháng 10/2014 đến tháng 9/2015 hưởng 10%; từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2016 hưởng 11%; từ tháng 10/2016 đến tháng 9/2017 hưởng 12%; từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2018 hưởng 13%; từ tháng 10/2018 đến tháng 9/2019 hưởng 14%; từ tháng 10/2019 đến tháng 9/2020 hưởng 15%; từ tháng 10/2020 đến 03-5-2021 hưởng 16%. Việc nhận lương và phụ cấp bà H được nhận qua tài khoản 108004294054 tại Ngân hàng V chi nhánh thành phố N.

Về số tiền lương và thu nhập của bà H khi nhà trường ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động là 9.271.719 đồng. Lương của bà H được tính theo công thức: lương cơ sở 1.490.000 x hệ số 4,65 (bậc 8) + phụ cấp thâm niên nhà giáo 16% + 30% phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (theo điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDDT-BNV-BTC) sau khi trừ tiền đóng bảo hiểm xã hội.

Bà H nhận được đầy đủ tiền lương và phụ cấp đến tháng 12 năm 2013 bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng V1 (chi nhánh thành phố N) số tài khoản 108004294054 theo đúng ngạch, bậc. Tuy nhiên kể từ tháng 1 năm 2014 cho đến khi nhà trường ban hành Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H thì nhà trường đã không trả lương cho bà H. Do đó, bà H yêu cầu trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt - M Nam Định còn phải thanh toán cho bà H là 686.697.474 đồng (Theo bảng kê chi tiết đã giao nộp cho Tòa án).

Hiện tại bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu Tòa tuyên bố Quyết định số 92/QĐ-CĐCNDM ngày 26-04-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị Thanh H là trái luật. Buộc Trường Cao đẳng C phải thực hiện lại quy trình tinh giản biên chế theo đúng trình tự, thủ tục quy định về việc tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập và phải chi trả các khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giản biên chế số tiền là 374.298.183 đồng. Bà H tự nguyện không yêu cầu Trường Cao đẳng C nhận bà trở lại làm việc.

2. Yêu cầu Trường Cao đẳng Công nghiệp D - May N bồi thường cho bà H do đã thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật như sau:

- Nhà trường phải trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày bà H không được làm việc từ ngày 01-5-2021 đến ngày 21-9-2023 (ngày xét xử) và trả thêm 6 tháng tiền lương.

+ Thời gian từ 01-5-2021 tính đến 21-9-2023 tổng là 28 tháng 20 ngày nhưng bà H đề nghị Hội đồng xét xử làm tròn là 28 tháng.

+ Mức lương tại thời điểm nhà trường ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc với bà H là 9.271.719 đồng.

Do đó số tiền lương trong những ngày bà H không được làm việc tính đến ngày 21-9-2023 là 268.879.851 đồng.

Phải trả thêm cho bà H 6 tháng tiền lương tương ứng với số tiền là 55.630.314 đồng.

3. Về tiền lương: Bà H yêu cầu nhà trường còn phải thanh toán tiền lương còn thiếu từ tháng 1 năm 2014 đến hết tháng 4 năm 2021 (thời điểm bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động) là 686.697.474 đồng (Theo bảng kê chi tiết đã giao nộp cho Tòa án).

4. Rút yêu cầu buộc Trường Cao đẳng C có trách nhiệm thanh toán số tiền công tác phí, nghiên cứu khoa học, viết giáo trình là 9.160.000 đồng.

5. Rút yêu cầu buộc Trường Cao đẳng C có nghĩa vụ bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.

6. Rút yêu cầu Trường Cao đẳng C phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của báo L3 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Khắc T3 và những người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Trường Cao đẳng C trong quá trình tham gia tố tụng là ông Hoàng Mai S, ông Trần Văn P, ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị Thanh H4 và tại phiên tòa là ông Hoàng Mai S, ông Trần Văn P và bà Vũ Thị Thanh H4 trình bày:

Về tư cách pháp lý: Trường Cao đẳng C tiền thân là T4 Công nhân kỹ thuật trực thuộc nhà máy D1 được thành lập theo Quyết định số 934/BCNN ngày 25-7-1968 của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-9-1996 được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng công ty D2 theo Quyết định số 2552/QĐ-TCCB của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-

03-1998 được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng công ty D2 theo Quyết định số 17/1998/QĐ-BCN của Bộ C1. Năm 2003, trường nâng cấp thành Trường C - Kỹ thuật Dệt - May trực thuộc Tổng công ty D2 theo Quyết định số 252/2003/QĐ-BCN ngày 31-12-2003 của Bộ C1. Đến năm 2007 trường nâng cấp thành Trường cao đẳng C thuộc Tập đoàn D3 theo Quyết định số 612/QĐ-BLĐTBXH ngày 11-5-2007 của Bộ L4. Ngày 09-4-2009 trường được đổi tên thành Trường cao đẳng N thuộc Tập đoàn D3 theo Quyết định số 455/QĐ-BLĐTBXH của Bộ L4. Ngày 07-02-2017 trường được đổi tên thành Trường cao đẳng C theo Quyết định số 133/QĐ-LĐTBXH của Bộ L4.

Ngày 06-5-2014 Tập đoàn D3 được phê duyệt phương án cổ phần hóa theo Quyết định số 646/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ sở hữu nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ. Theo phương án cổ phần hóa, giá trị các đơn vị sự nghiệp thuộc phần vốn nhà nước; tập đoàn tiếp tục hưởng các cơ chế tài chính đối với các trường đào tạo trong ngành dệt may theo Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-3-2010 của Bộ T5 về thực hiện “Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”. Theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 về việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Vinatex thì Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D3 quản lý vốn, tài sản, nhân sự của 07 đơn vị sự nghiệp thuộc tập đoàn T6.

Về tài chính: Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020 Trường cao đẳng C được thụ hưởng một phần nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ “đề tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức thực hiện đào tạo” theo chương trình đào tạo nguồn nhân lực Dệt May Việt Nam của Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-03-2010 của Bộ T5. Nguồn kinh phí chỉ hỗ trợ cho 03 ngành là: Dệt may; thiết kế thời trang; dệt nhuộm, trên tổng số 12 ngành nghề mà Trường cao đẳng C tuyển sinh và đào tạo trong giai đoạn từ 2010 - 2020. Từ năm 2021, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, Trường cao đẳng C thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Về tiền lương: Theo Quyết định tiếp nhận giáo viên số 152/TCHC ngày 01-9-2004 và Quyết định tiếp nhận cán bộ số 152/TCHC ngày 01-9-2004 của Hiệu trưởng trường C và nay là Trường Cao đẳng C thì bà Trần Thị Thanh H được tuyển dụng để làm nhân viên và được hưởng hệ số lương 1,92. Đến ngày 01-10-2004 bà H được bổ nhiệm vào ngạch giáo viên trung học mã số A1-15.113, trình độ chuyên môn: giáo viên bậc 01, hệ số 2,67). Từ khi tuyển dụng bà H hưởng lương theo bậc lương, đồng thời còn được hưởng phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo. Định kỳ 3 năm một lần, bà H đều có quyết định tăng lương theo từng bậc, với hệ số lương tương ứng. Tiền đóng bảo hiểm xã hội của bà H được Trường

Cao đẳng C đóng hàng tháng theo ngạch, bậc lương. Từ ngày 01-4-2014 đến nay, các cán bộ, viên chức nói chung của Trường Cao đẳng C - M Nam Định và bà Trần Thị Thanh H nói riêng được hưởng lương theo cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần lương”. Tiền lương được tính theo công thức sau: Lương thực lĩnh = {(L cơ bản x hệ số lương theo bậc) – số tiền bảo hiểm phải đóng} : 22 ngày công x số ngày công thực tế (các ngày mà giáo viên có giờ dạy thực tế).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo và chủ trương của Tập đoàn D3 theo Công văn số 1052/TĐDMVN-QLNNL ngày 11-12-2018 về công tác cán bộ và tái cơ cấu tổ chức bộ máy Trường Cao đẳng C; Công văn số 31/TĐDMVN-QLNNL ngày 10-01-2020 của Tập đoàn D3 về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường Cao đẳng C; căn cứ số lượng ngành nghề đào tạo, số lượng chỉ tiêu được giao của T7; số lượng học sinh, sinh viên thực tế đang đào tạo tại trường và các đơn vị liên kết; dự kiến quy mô tuyển sinh và đào tạo trong giai đoạn năm tiếp theo; tình hình thực tế về nguồn tài chính, công tác tuyển sinh và đào tạo, các nhiệm vụ khác được cấp trên giao; Trường Cao đẳng C đã ban hành Nghị quyết số 146/NQ-HĐT ngày 03-6-2020 của Hội đồng trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc Trường; Nghị quyết số 02/NQ-ĐUCĐ ngày 23-6-2020 của Đảng uỷ trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc; Quyết định số 175/QĐ-CDNCNDM ngày 01-7-2020 của Hiệu trưởng Nhà trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc.

Để xác định số viên chức, lao động dôi dư, Trường Cao đẳng C - M Nam Định đã triển khai quy trình như sau: 1) Xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách và Bộ T8 đánh giá, chấm điểm xác định nhân lực định biên và nhân lực dôi dư; 2) Triển khai đánh giá, chấm điểm xác định nhân lực định biên và nhân lực dôi dư; 3) Đảng uỷ và Hội đồng trường họp thảo luận và thống nhất danh sách viên chức dôi dư thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc, thông báo kết quả đến các chi bộ, đơn vị, các tổ chức đoàn thể để thông báo và phổ biến cho toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động trong toàn trường. Sau khi thực hiện quy trình xác định số lao động dôi dư, căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-09-2020 của Chính phủ và Luật viên chức số 58/2010/QH12, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng C Quyết định số 92/QĐ-CDNCNDM ngày 26-4-2021 về việc chấm dứt hợp đồng làm việc; Quyết định số 93/QĐ-CDNCNDM ngày 26-4-2021 về việc chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với bà Trần Thị Thanh H. Mức trợ cấp thôi việc là 0,5 tháng lương cho mỗi năm công tác và hỗ trợ 03 tháng lương hỗ trợ thôi việc. (số tháng hưởng trợ cấp là 2,5 tháng với số tiền là: 20.092.650 đồng; số tháng hỗ trợ thôi việc là 03 tháng với số tiền là: 24.111.180

đồng (theo qui định nội bộ của Nhà trường theo biên bản số 63 ngày 28-4-2020); Tổng số tiền bà H đã được chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc của cộng: 44.203.830 đồng).

Nhà trường thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng do những lý do khách quan như sau:

Một là trường vẫn thuộc Tập đoàn D3 tạm giao quản lý không có cơ chế chính sách hỗ trợ trường như các trường công lập trực thuộc Chính phủ, Bộ, địa phương.

Hai là thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn D3 giao nhiệm vụ cho trường bằng mọi cách thu hẹp quy mô và giảm biên chế tới mức tối đa có thể để duy trì hoạt động ổn định Nhà trường trong lúc đang chờ Chính phủ quyết định ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ Nhà trường và đơn vị chủ quản chính thức.

Ba là do cuối năm 2019, năm 2020 và đầu năm 2021 đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Chính phủ siết chặt công tác kiểm soát dịch bệnh, đi lại của toàn xã hội làm ảnh hưởng lớn đến công tác tiếp thị tuyển sinh tới người học và phụ huynh do đó số lượng tuyển sinh, nguồn thu tài chính của T4 mất cân đối thu chi Nhà trường buộc phải thu hẹp quy mô hoạt động và giảm biên chế.

Bốn là năm 2021 trở đi T4 thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ. Nhà trường không được Nhà nước cấp ngân sách chi cho hoạt động thường xuyên, không có ngân sách cấp hỗ trợ đào tạo,...Do đó tình hình T4 rất khó khăn không cân đối được thu chi, dôi thừa biên chế so với nhiệm vụ do số lượng học sinh, sinh viên sụt giảm nghiêm trọng, để ổn định và duy trì hoạt động T4 phải sắp xếp tinh gọn bộ máy, nhân sự phù hợp với tình hình thực tế.

Năm là trong bối cảnh từ năm 2014 đến nay công tác tuyển sinh khó khăn, mất cân đối thu chi, nhân lực dôi dư không bố trí được việc làm (lãnh đạo Nhà trường đã tìm mọi giải pháp để khắc phục khó khăn, cho giáo viên học tập, bồi dưỡng để chuyển đổi vị trí việc làm, tạo điều kiện cho CBCNV liên hệ chuyển công tác, làm việc bên ngoài để lo cho đời sống, bố trí Nhà xưởng cho CBCNV có việc làm nhưng giáo viên không có nhu cầu làm việc mới) do tình hình hoạt động của Nhà trường bất khả kháng về bố trí việc làm và nguồn kinh phí không đủ chi trả tiền lương, bảo hiểm do đó T4 đã thực hiện các bước quy trình giải quyết lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

Trước khi chấm dứt thôi việc đối với nguyên đơn, Nhà trường đã gặp mặt, giải thích; thông báo thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc (Thông báo số

33/TT-CĐCNDM ngày 11-3-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C - C về việc triệu tập cuộc họp về việc thông báo chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức; Biên bản cuộc họp gặp mặt, trao đổi, đối thoại, thông báo thời điểm Nhà trường chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức ngày 15 tháng 3 năm 2021). Nhà trường đã thực hiện việc báo trước là hơn 45 ngày, do đó không vi phạm thời hạn báo trước đối với các giáo viên và bà H.

Sau khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động bà Trần Thị Thanh H, Nhà trường đã giao cho bà H quyết định thôi việc, chi trả trợ cấp, hỗ trợ thôi việc; hồ sơ viên chức; sổ bảo hiểm xã hội và nhận chế độ chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc của Nhà trường (cụ thể bà H đã nhận tiền mặt là 236.000 đồng và qua tài khoản cá nhân là 43.967.830 đồng).

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh H. Quan điểm của nhà trường như sau:

- Việc Trường Cao đẳng C ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Trần Thị Thanh H là dựa trên căn cứ tại điểm b, khoản 1, Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-09-2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 29, Luật viên chức số 58/2010/QH12; căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 39, Nghị định hợp nhất số 03/NĐHN-BNV ngày 21-5-2019 của Bộ N1; điểm a, b, d khoản 1, Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-09-2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức để thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc đối với viên chức theo quy định đồng thời hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm kiếm việc làm. Vì vậy, Nhà trường không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đề nghị tuyên bố Quyết định số 92/QĐ-CĐCNDM ngày 26-04-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C về việc chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Trần Thị Thanh H là trái luật.

- Về yêu cầu của bà Trần Thị Thanh H buộc T4 có trách nhiệm chi trả các khoản tiền trợ cấp mất việc theo chính sách tinh giản biên chế nhà trường không chấp nhận. Các giáo viên không thuộc trường hợp nghỉ việc theo chính sách tinh giản biên chế mà thuộc trường hợp Nhà trường đơn phương chấm dứt hợp đồng (áp dụng theo Luật viên chức và Nghị định 115/2020/NĐ-CP, Điều 39 Nghị định hợp nhất số 03/2019 ngày 21-5-2019 của Bộ N1). Nhà trường là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D3 quản lý theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 của Văn phòng C2. Nhà trường không được Nhà nước cấp ngân sách bảo đảm chi thường xuyên cũng như đảm bảo một phần chi thường xuyên. Sau khi Tập đoàn D3 đã cổ phần hoá, T4 cũng không thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện áp dụng tại Điều 1, Nghị định 108 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế

độ cho viên chức thôi việc. Đề Nhà trường được vận dụng Nghị định số 108/2014/NĐ-CP cần phải có đề nghị của Tập đoàn D3 và được sự phê duyệt của các bộ gồm có Bộ N1, Bộ T5, Bộ L4, Bộ C3. Nhà trường không có nguồn kinh phí thường xuyên và không được nhà nước cấp nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Điều 13 Nghị định 108 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31-08-2018 của Chính phủ, Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Nhà trường chỉ là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp nhà nước là Tập đoàn D3. Đến năm 2015 do Tập đoàn D3 cổ phần hóa thì nhà trường chỉ là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D3 quản lý. Ngoài ra, các giáo viên không thuộc đối tượng áp dụng cũng như không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 108 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc. Các giáo viên là viên chức thuộc doanh nghiệp đã cổ phần hóa không phải là viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 108/2014/NĐ-CP.

- Về yêu cầu buộc T4 có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H do đã thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật, ý kiến của nhà trường là yêu cầu này của bà Trần Thị Thanh H là không có cơ sở và căn cứ pháp lý. Nhà trường đã thực hiện đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo đúng quy định pháp luật nên không nhất trí với yêu cầu này.

- Về yêu cầu buộc T4 có trách nhiệm chi trả số tiền lương theo hệ số lương: Do trường Cao đẳng C thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, trang trải mọi chi phí nên từ ngày 01-4-2014 đến nay, các cán bộ, viên chức của Trường Cao đẳng C được hưởng lương theo cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần lương”, cơ chế hưởng lương này đã được Nhà trường họp bàn và thông qua các khoa phòng. Trước khi nghỉ việc các giáo viên và bà H đã nhất trí hưởng theo mức lương này. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh H.

3. Tại công văn số 215/TDDMVN-QLNNL ngày 10-5-2023 của Tập đoàn D3 phúc đáp đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định như sau:

- Về địa vị pháp lý của Trường C: Trường C tiền thân là T4 Công nhân kỹ thuật trực thuộc Nhà máy D1. Từ năm 2003 trường được nâng cấp và giao cho Tập đoàn D3 để thực hiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực dệt may của Chính phủ.

Tại thời điểm cổ phần hóa do cơ chế chính sách về cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp chưa có nên giá trị các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn quản lý được

loại ra không định giá trong giá trị doanh nghiệp của Tập đoàn khi cổ phần hóa. Vì vậy, Chính phủ giao cho Tập đoàn D3 tạm thời quản lý vốn và nhân sự theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-6-2015 của Văn phòng Chính phủ và Thông báo số 416/TB-BCT ngày 09-12-2015 của Bộ C3 về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp. Tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tập đoàn D3 đều thuộc sở hữu nhà nước, độc lập với vốn, tài sản của Tập đoàn; cơ cấu tổ chức và hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập; được các cơ quan nhà nước thành lập và quản lý từ khi thành lập cho đến nay. Hiện tại Bộ C3 đang trình Chính phủ phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp do Tập đoàn tạm quản lý.

- Về thực hiện chế độ đối với giáo viên thôi việc: Để chuẩn bị cho việc chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm thì năm 2015 trước khi Tập đoàn chuyển sang hoạt động theo cơ chế Công ty cổ phần - đã hỗ trợ nhà trường sắp xếp lại lao động với số tiền 5,527 tỷ đồng từ kinh phí của Tập đoàn để giải quyết 80 lao động dôi dư theo Nghị định 108/NĐ-CP sau khi phương án tinh giản biên chế của T4 được chấp thuận của Văn phòng C2 (Văn bản số 8109/VPCP-ĐMDN ngày 07-10-2015 về việc giải quyết lao động dôi dư tại Tập đoàn D3), Bộ N1, Bộ T5, Bộ L4 và đề xuất của Bộ C3.

Về thực hiện trả lương cho giáo viên: Trường Cao đẳng C thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, trang trải mọi chi phí nên việc trả lương, lựa chọn phương thức trả lương thuộc quyền và trách nhiệm của Nhà trường. Việc trả lương của Nhà trường phải được thực hiện theo nguyên tắc phân phối, trả lương theo vị trí việc làm, theo qui chế phân phối tiền lương của Nhà trường xây dựng và đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, trên cơ sở nguồn thu của nhà trường.

4. Tại Công văn số 2183/BN-TCBC ngày 11-5-2023 của Bộ N1 phúc đáp đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định như sau:

Về việc xác định loại hình trường: Căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Viên chức năm 2010 và các quyết định thành lập, nâng cấp, đổi tên của Bộ C1 nhẹ nay là Bộ C3, Bộ L4 thì Trường Cao đẳng C được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập.

Về việc áp dụng chính sách giải quyết chế độ đối với số lao động dôi dư tại Trường Cao đẳng C: Căn cứ qui định tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ thì chỉ áp dụng đối với các viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, nhà nước tổ chức chính trị xã hội (không có đối tượng là viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp). Riêng đối với Trường Cao đẳng C trong quá trình sắp xếp, cổ phần hóa Tập đoàn D3, xét đề nghị của Bộ C3 và ý kiến các bộ ngành có liên quan (Tài chính, N, Lao động-Thương binh và Xã hội), Thủ tướng

Chính phủ đã đồng ý cho áp dụng qui định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP để giải quyết lao động dôi dư (theo đề án tinh giản biên chế của T4 được Bộ C3 phê duyệt), nguồn kinh phí để giải quyết tinh giản biên chế được trích từ lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ - Tập đoàn D3 trong giai đoạn chuyển đổi thành công ty cổ phần (Văn bản số 8109/VPCP-ĐMDN ngày 07-10-2015 của Văn phòng C2).

Về việc trả lương: Tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06-5-2014 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn D3. Theo đó việc quản lý nhân sự của T4 do Hội đồng quản trị Tập đoàn D3 quyết định. Trường hợp người làm việc tại Trường Cao đẳng C nếu được xác định là viên chức theo qui định tại Luật Viên chức thì việc trả lương áp dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, việc chi trả lương của Trường Cao đẳng C được thực hiện theo pháp luật về tiền lương, qui chế chi tiêu nội bộ của trường và hợp đồng lao động được ký kết giữa trường với từng đối tượng cụ thể.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định cũng đã có công văn đề nghị Bộ C3 và Bộ L4, tuy nhiên cả hai bộ trên đều không có quan điểm phúc đáp văn bản của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 08/2023/LĐ-ST ngày: 30-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 39, khoản 1, 2 Điều 41, Điều 46; Điều 90; Điều 94; khoản 1 Điều 190 Bộ Luật Lao động 2019; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 2, khoản 1, 2 Điều 9, khoản 2 Điều 25 Luật Viên chức năm 2010

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 1, Điều 6, Điều 10, Điều 12 Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; khoản 2 Điều 1 Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của

Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Điều 2, Điều 3 Nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04-7-2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động và Điều 26a Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24-10-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015;

Căn cứ Mục 2 Thông tư số 09/2008/TT-BLDTBXH ngày 27-6-2008 của Bộ L4 hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề; điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT – BGD&ĐT-BNV-BTC ngày Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H đối với Trường Cao đẳng C - May N về “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; về trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; tranh chấp về tiền lương”

1. Tuyên bố Quyết định 92/QĐ-CĐDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với bà Trần Thị Thanh H là trái pháp luật.

Hủy Quyết định số 92/QĐ-CĐDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với bà Trần Thị Thanh H và Quyết định số 93/QĐ-CĐDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C về việc chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với viên chức.

Thời gian chấm dứt Hợp đồng làm việc tại Trường Cao đẳng C đối với bà Trần Thị Thanh H kể từ ngày 30-9-2023.

2. Buộc Trường Cao đẳng C phải chi trả bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H theo chính sách tính gián biên chế là 296.284.828 đồng (*hai trăm chín mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tư nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*).

3. Buộc Trường Cao đẳng C phải bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H số tiền lương trong những ngày không được làm việc, kể từ ngày 04-5-2021 đến

ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-9-2023) là 201.408.732 đồng (*hai trăm linh một triệu bốn trăm linh tám nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng*).

3.1. Buộc Trường Cao đẳng C phải bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc là 14.386.338 đồng (*mười bốn triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi tám đồng*).

3.2 Buộc Trường Cao đẳng C phải thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà Trần Thị Thanh H trong thời gian bà H không được làm việc, chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả tiền bảo hiểm xã hội cho bà H theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Buộc bà Trần Thị Thanh H phải hoàn trả số tiền trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đã nhận của Trường Cao đẳng C là 44.203.830 đồng (*bốn mươi bốn triệu hai trăm linh ba nghìn tám trăm ba mươi đồng*).

Tổng số tiền Trường Cao đẳng C phải thanh toán cho bà Trần Thị Thanh H là 512.079.898 đồng. Đối trừ số tiền trợ cấp và hỗ trợ thôi việc bà H đã nhận là 44.203.830 đồng. Trường Cao đẳng C còn phải trả cho bà Trần Thị Thanh H là: 512.079.898 đồng - 44.203.830 đồng = 467.876.068 đồng (*bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*) (đã làm tròn số).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Trường Cao đẳng C chưa thanh toán số tiền bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H thì hàng tháng Trường Cao đẳng C phải trả cho bà Trần Thị Thanh H tiền lãi mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về tiền lương: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H về việc buộc Trường Cao đẳng C từ tháng 01-01-2014 đến ngày 30-4-2021.

6. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H về việc: yêu cầu Trường Cao đẳng C có trách nhiệm thanh toán số tiền công tác phí, nghiên cứu khoa học, viết giáo trình là 9.160.000 đồng; yêu cầu Trường Cao đẳng C có nghĩa vụ bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng và yêu cầu Trường Cao đẳng C phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của L3 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự và kiến nghị cơ qua liên quan hỗ trợ kinh phí cho Trường Cao đẳng C giải quyết chế độ cho người lao động.

Ngày 12-10-2023, bà Trần Thị Thanh H làm đơn kháng cáo với lý do: Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định. Kháng cáo một phần bản án gồm nội dung giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 03/5/2021, phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản.

* Tại phiên tòa phúc thẩm. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo: Đề nghị HĐXX phúc thẩm buộc Trường Cao Đẳng C có trách nhiệm trả số tiền lương còn nợ Nguyên đơn là 320.231.649 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng*). Tiền lương thực lĩnh được tính = [Lương cơ sở x (hệ số lương + phụ cấp thâm niên) – số tiền trích nộp BHXH 10,5%] + phụ cấp nhà giáo 30%. Buộc Trường Cao Đẳng C trả tiền hưởng phụ cấp nhà giáo 30% trong phán quyết về bồi thường 02 tháng tiền lương do đã thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp là: 2.078.550đ (phụ cấp trước khi nghỉ việc) x 02 tháng = 4,157,100 đồng (*Bốn triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm đồng*). Yêu cầu Tòa tuyên bà Trần Thị Thanh H được hưởng phụ cấp nhà giáo 30% trong các phán quyết về khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giản biên chế là: 102.958.881 (*Một trăm lẻ hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng*)

- Do, Bị đơn không đồng ý nhận lại nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý, thì hai bên thỏa thuận bị đơn phải trả 02 tháng tiền lương: 9.271.719 (lương trước khi nghỉ việc) * 02 tháng = 18,543,438 đồng (*Mười tám triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*). Buộc Trường Cao Đẳng C phải chi trả cho bà Trần Thị Thanh H tổng số tiền là 445.891.068 đồng (*Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi một nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng*)

* Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thanh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thanh H được làm trong thời hạn luật định và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Khắc T3, bà Vũ Thị Thanh H4, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S, có đơn xin xét xử vắng mặt. Các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn vắng mặt nhưng đại diện của theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt các luật sư. Căn cứ Điều 296 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Khắc T3, bà Vũ Thị Thanh H4, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Thanh H đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc trường cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ tháng 01-2014 đến hết ngày 3-5-2021 và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản, Hội đồng xét xử nhận thấy. Về thời hiệu: Xét thấy tranh chấp về tiền lương là một quan hệ pháp luật, việc trả lương của Trường Cao đẳng C được thực hiện hàng tháng và liên tục, vì vậy cần xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp tiền lương được tính kể từ thời điểm thực tế được trả lương cuối cùng. Bà Trần Thị Thanh H đã được Trường Cao đẳng C thực tế trả lương lần cuối vào ngày 06-7-2021. Ngày 14-3-2022 bà Trần Thị Thanh H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xác định tranh chấp tiền lương của bà Trần Thị Thanh H là còn thời hiệu khởi kiện có căn cứ.

[3] Về tranh chấp tiền lương của bà Trần Thị Thanh H:

[3.1] Về quá trình tăng lương theo hệ số: Các bên đương sự đã cung cấp các quyết định nâng lương và cũng đều thừa nhận trong quá trình công tác bà H đều được nâng lương thường xuyên theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Từ tháng 1/2014 đến tháng 5/2014 hưởng bậc 5, hệ số 3,66; từ tháng 6/2014 đến 5/2017 hưởng bậc 6, hệ số 3,99; từ tháng 6/2017 đến tháng 5/2020 hưởng bậc 7, hệ số 4,32; từ tháng 6-2020 đến 03-5-2021 hưởng bậc 8, hệ số 4,65.

Căn cứ nhận định mục [4] và Điều 7 Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ thì việc tăng lương theo hệ số lương và mức lương của bà Trần Thị Thanh H được thể hiện trong sổ bảo hiểm của bà H, Trường Cao đẳng C đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Về phụ cấp thâm niên nhà giáo: Căn cứ Điều 2, Điều 3 Nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04-7-2011 về chế độ thâm niên đối với nhà giáo. Cụ thể:

- Điều kiện được tính hưởng phụ cấp thâm niên: Nhà giáo có thời gian giảng dạy, giáo dục đủ 5 năm (60 tháng) thì được tính hưởng phụ cấp thâm niên. mức phụ cấp thâm niên bằng 5% của mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ các năm sau trở đi, phụ cấp thâm niên mỗi năm được tính thêm 1%.

- Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên: Thời gian giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục;

Vì vậy, thời gian và mức hưởng thâm niên nhà giáo của bà Trần Thị Thanh H theo các Quyết định tăng phụ cấp thâm niên nhà giáo của Trường Cao đẳng C. Cụ thể: Từ tháng 1/2014 đến tháng 9/2014 hưởng 9%; từ tháng 10/2014 đến tháng 9/2015 hưởng 10%; từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2016 hưởng 11%; từ tháng 10/2016 đến tháng 9/2017 hưởng 12%; từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2018 hưởng 13%; từ tháng 10/2018 đến tháng 9/2019 hưởng 14%; từ tháng 10/2019 đến tháng 9/2020 hưởng 15%; từ tháng 10/2020 đến 03-5-2021 hưởng 16%. Vì vậy, mức tăng thâm niên nhà giáo đối với bà Trần Thị Thanh H của Trường Cao đẳng C là đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Về phụ cấp ưu đãi nhà giáo:

Theo Mục 2 Thông tư 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27-6-2008 tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên trong một năm học: từ 380 đến 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng và Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10-3-2017 quy định quy chế độ là việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì định mức giờ giảng của nhà giáo trong một năm học: Từ 380 đến 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng. Như vậy, trong giai đoạn 01-4-2014 đến 30-4-2021 thì các giáo viên giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng sẽ có định mức giờ dạy là từ 380 đến 450 giờ chuẩn.

Theo Quyết định số 184/QĐ-CDNKTKT ngày 07-5-2014 về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định thuộc Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng C - kỹ thuật VINATEX nay là Trường Cao đẳng C quy định giáo viên trực tiếp giảng dạy đạt 65% số giờ chuẩn định mức trong năm học trở lên thì được chi trả phụ cấp ưu đãi nhà giáo.

Theo thống kê giờ giảng của bà Trần Thị Thanh H và bảng chấm công do T4 Cao đẳng công nghiệp D - May N cung cấp thì bà Trần Thị Thanh H đã có giờ giảng dạy trong các năm học như sau: Năm học 2014-2015: 114 giờ, tỷ lệ đạt 20,4%; năm học 2015-2016: 20 giờ, tỷ lệ đạt 3,57%; năm học 2016-2017: 0 giờ; năm học 2017-2018: 0 giờ; năm học 2018-2019: 198,2 giờ, tỷ lệ đạt 32,2%; năm học 2019-2020: 0 giờ; năm học 2020-2021: 145 giờ, tỷ lệ đạt 31,8%.

Mặc dù, Trường Cao đẳng C có quy chế tính tỷ lệ phần trăm các giờ giảng của giáo viên trong năm học để tính phụ cấp ưu đãi nhà giáo nhưng quy chế này không đạt đủ số giờ giảng tối thiểu theo quy định tại Thông tư 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27-6-2008 của Bộ L4 và Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10-3-2017 của Bộ L4 nên không được chấp nhận. Vì vậy, trong năm học từ năm 2014 đến năm 2021 bà Trần Thị Thanh H đều không đạt đủ giờ chuẩn trong một năm học nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh H về việc yêu cầu Trường Cao đẳng C chi trả phụ cấp ưu đãi nhà giáo là có căn cứ.

[3.4] Về yêu cầu chi trả tiền lương của bà Trần Thị Thanh H:

Các bên đương sự đều thừa nhận trước ngày 01-01-2014 bà Trần Thị Thanh H được nhận đầy đủ lương theo các quyết định nâng lương. Từ 01-01-2014 đến 30-4-2021 Trường Cao đẳng C xác định đã chi trả lương cho bà H theo ngạch bậc lương và quy chế lương tự chủ của trường theo theo cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần lương”. Tiền lương được tính theo công thức sau: $Lương\ thực\ lĩnh = \{(L\ cơ\ bản \times hệ\ số\ lương\ theo\ bậc) - số\ tiền\ bảo\ hiểm\ phải\ đóng\} : 22\ ngày\ công \times số\ ngày\ công\ thực\ tế$ (các ngày mà giáo viên có giờ dạy thực tế) qua tài khoản của bà Trần Thị Thanh H tại Ngân hàng thương mại cổ phần C4.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ như Quyết định số 966/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-11-2013 về việc ban hành tập Quy chế nội bộ năm 2013 kèm theo 05 quy chế trong đó có quy chế quy định chế độ làm việc của giáo viên giảng dạy và quy chế chi tiêu nội bộ; Nghị quyết số 42/NQ-ĐUCĐN ngày 25-3-2014 về công tác Quý II năm 2014 Ban chấp hành Đảng bộ trường đã tổ chức hội nghị xây dựng Nghị quyết công tác quý II năm 2014 trong đó có mục thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ 25% quỹ lương của đơn vị và giao quyền tự chủ cho các trường khoa đơn vị xây dựng các phương án... và mục điểm 3 mục I Nghị quyết số 43/NQ-ĐUCĐN ngày 17-4-2014 điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 229/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-5-2014 về việc ban hành Quy định thực hiện thí điểm cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần tiền lương đối với các đơn vị thuộc T4” Điều này chứng tỏ ngay từ tháng 4-2014 Trường Cao đẳng C đã tiến hành cơ chế tự chủ tiền lương.

Sau đó, hàng năm Trường Cao đẳng C - May N đều ra các văn bản về cơ chế tự chủ một phần lương, gắn với lộ trình tinh giản biên chế đối với các đơn vị thuộc Trường như: Quyết định số 37/QĐ-CĐNKTKT ngày 30-01-2015; Quyết định số 394/QĐ-CĐNKTKT ngày 12-9-2016 về việc ban hành Quy định thực hiện cơ chế tự chủ một phần tiền lương; Thông báo số 224/TB-CĐNKTKT ngày 29-6-2017 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về cơ chế “Tự chủ một phần tiền lương”; Nghị quyết số 08-NQ-HĐT ngày 17-01-2018 triển khai chủ trương thực hiện cơ chế “Tự chủ một phần tiền lương năm 2018”; Thông báo số 12/TB-CĐCNDM ngày 17-01-2019 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về cơ chế “Tự chủ một phần tiền lương” và Thông báo số 63/TB-CĐCNDM ngày 19-4-2021 về việc thực hiện công tác tự chủ tài chính và tiền lương năm 2021. Xét thấy Trường Cao đẳng C đã ban hành nhiều văn bản như Nghị quyết, qui chế chi tiêu nội bộ để cụ thể hóa qui chế tự chủ theo văn bản chỉ đạo của Tập đoàn D3; các Nghị quyết, quyết định, thông báo về tự chủ tiền lương của Trường Cao đẳng C không vi phạm pháp luật về tiền lương, không trái với cơ chế nhà trường được giao, các văn bản được ban hành đúng quy trình, đều được thực hiện công khai, minh bạch phù hợp với thực tế của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ.

Từ năm 2014 nhà trường đã thông báo đến các Khoa phòng chủ chốt, các giáo viên nhà trường trong đó có bà Trần Thị Thanh H đều đã được biết và không có ý kiến phản đối về việc trả lương của nhà trường. Từ năm 2014 tiền lương của các giáo viên đã được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản cá nhân và được vắn tin tài khoản qua số điện thoại. Tại phiên tòa, bà Trần Thị Thanh H thừa nhận trước tháng 1-2014 tiền lương chuyển vào tài khoản cá nhân bà H với mức lương theo đúng ngạch bậc và phụ cấp nhưng từ tháng 1-2014 cho đến khi bà Trần Thị Thanh H nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc Trường Cao đẳng C có chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà H nhưng bà H không biết là tiền gì. Vì vậy, cần xác định bà H phải biết về mức lương tự chủ trong giai đoạn này vì nội dung chuyển khoản đều được vắn tin trên tin nhắn điện thoại, số tiền nhận được ở hai giai đoạn là khác nhau. Quá trình nhận lương bà H không có khiếu nại gì về tiền lương. Điều này, chứng tỏ bà H biết và chấp nhận mức lương theo cơ chế tự chủ của T4 đã trả.

Căn cứ vào bảng kê báo có của Ngân hàng thương mại cổ phần C4 chi nhánh B cung cấp thì trong giai đoạn từ tháng 01-2014 đến hết tháng 12-2021 thì T4 Cao đẳng công nghiệp D - May N đã chi trả cho bà Trần Thị Thanh H tiền lương và phụ cấp qua tài khoản cá nhân bà H số tài khoản 108004294054 tại Ngân hàng thương mại cổ phần C4 chi nhánh B tổng cộng là 323.965.210 đồng phù hợp với kết quả thống kê của Trường Cao đẳng C. Vì vậy, Tòa án cấp sơ

thẩm xác định số tiền lương và phụ cấp Trường Cao đẳng C đã chi trả và bà H đã nhận được là 323.965.210 đồng là có căn cứ. Vì vậy quyết định đã tuyên Toà án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thanh H đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc trường Cao đẳng C phải trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 điều 42 Bộ luật Lao động 2012 và đề nghị xem xét số tiền bà H phải hoàn trả cho bị đơn cũng như việc hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 124/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 do bị đơn ban hành trái pháp luật nên bị đơn phải chi trả tiền lương từ thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc là 4-5-2021 đến ngày nhận trở lại làm việc (tạm tính đến ngày xét xử phúc thẩm 19-3-2024) là 2 năm 10 tháng 15 ngày. Xét thấy, yêu cầu kháng cáo bổ sung trên vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu của nguyên đơn nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thanh H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 12; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do bà Nguyễn Thị Vân H5 thuộc trường hợp người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm..... nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 12; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H; Giữ nguyên các quyết định của bản án lao động sơ thẩm số 08/2023/LĐ-ST gày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Bà Trần Thị Thanh H được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Mai Thị Minh Hồng
(Đã ký)**